

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5617 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Viện nghiên cứu Hải sản tại Văn bản số 1208/VHS-DA.NCVTS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 581./TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Viện nghiên cứu Hải sản, địa chỉ số 224 đường Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III”, số 02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Đầu tư xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Quyết định số 466/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu Hải sản.

- Quyết định số 3242/QĐ-BNN-KH ngày 21/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án “Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng các Viện lĩnh vực thủy sản”.

- Quyết định số 3478/QĐ-BNN-KH ngày 13/09/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng các Viện lĩnh vực thủy sản”.

1.4. Mã số thuế: 0201003138.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Phân tích mẫu môi trường, bệnh học và GIS; Nghiên cứu các vấn đề dịch tễ học, biến đổi mô bệnh học và nguyên nhân gây bệnh ở thủy sản nuôi nước ngọt, lợ và mặn; Quan trắc, cảnh báo, dự báo môi trường và dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; Đánh giá tác động nguồn nước, môi trường...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích dự án: 1.939 m².

- Quy mô: dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Viện nghiên cứu Hải sản:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Viện nghiên cứu Hải sản có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án đầu tư hoặc tại trụ sở UBND phường Vĩnh Hải.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Quyết định cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: (VBĐT)

- Viện nghiên cứu Hải sản;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Hải;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

6

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày tháng
năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình thí nghiệm ươm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý chảy ra cống thoát nước chung trên đường Đặng Tất sau đó dẫn về tuyến mương Phước Huệ thuộc xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III”, số 02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3⁰): X= 1.359.357; Y= 602.517

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị
2.	BOD ₅	mg/l	50		
3.	TSS	mg/l	100		
4.	Sunfua	mg/l	04		
5.	Amoni	mg/l	10		
6.	Nitrat	mg/l	50		

7.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	08/2022/ND-CP)	định số 08/2022/ND-CP)
8.	Phosphat	mg/l	10		
9.	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ cán bộ công nhân viên được xử lý bằng Bể tự hoại 5 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m³/ngày đêm

- Nguồn số 02: Nước thải từ phòng thí nghiệm ướt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (Nước thải sinh hoạt từ cán bộ công nhân viên → Bể tự hoại 5 ngăn; Nước thải từ phòng thí nghiệm ướt) → Bể thu gom tách dầu → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 01/9/2023 đến 01/12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Thông số: pH, BOD₅, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Chủ Dự án lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36.17./GPMT-UBND ngày 22. tháng 12. năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	02	16 01 08
2	Pin, ắc quy	01	16 01 12
3	Bóng đèn neon hỏng	02	16 01 06
4	Hộp mực in	05	08 02 08
5	Thủy tinh	10	11 02 03
	Tổng cộng	20	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 53 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có dung tích 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 05 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại nằm tại tầng hầm B1 của tòa nhà. Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín, không bị thấm thấu, cao hơn nền 0,3m và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có dán nhãn và biển báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có dung tích 20 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Không.

2.2.3 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 68 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Phân loại, lưu giữ, chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. 